

Bản án số: 02/2018/HSST
Ngày: 18/01/2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG H2 XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H - TỈNH QUẢNG NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Văn Năm.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đức Thông và bà Bùi Thùy Linh

- Thư ký phiên tòa: ông Lê Trung Nghĩa - thư ký tòa án nhân dân huyện H.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H tham gia phiên tòa: ông Bùi Tuấn Ninh - kiểm sát viên.

Ngày 18/01/2018, tại hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện H xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 48/2017/HSST ngày 29/12/2017 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2018/QĐXXST-HS ngày 04/01/2018 đối với bị cáo:

Hoàng Việt T – sinh ngày 09/01/1997, thường trú và chỗ ở tại thôn Xóm G, xã Đ, huyện Đ, Quảng Ninh; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Thiên chúa giáo; học vấn: 4/12; nghề nghiệp: tự do; Bố là ông Hoàng Thanh M – sinh năm 1960 và mẹ là bà Đặng Hồng G – sinh năm 1959, cùng trú tại thôn Xóm G, xã Đ, huyện Đ, Quảng Ninh; anh chị em ruột: có 04 người, bị cáo là thứ ba; vợ, con: chưa có; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: ngày 27/11/2013 bị Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Quảng Ninh xử phạt 06 năm tù về tội “Cướp tài sản”, ngày 31/8/2015 chấp hành xong hình phạt tù (bị cáo thi hành xong phần dân sự vào ngày 14/01/2014); bị cáo đầu thú ngày 30/11/2017, hiện tạm giam tại nhà tạm giữ công an huyện H, có mặt tại phiên tòa.

Người bị hại:

- Anh **Nguyễn Văn V**, sinh năm 1996, trú tại thôn 1, xã Q1, huyện H, Quảng Ninh, vắng mặt tại phiên tòa;

- Anh **Lê Đức T1**, sinh năm 1988, trú tại thôn 5, xã Q2, huyện H, Quảng Ninh, vắng mặt tại phiên tòa.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Anh **Đình Văn H2**, sinh năm 1983, trú tại thôn Trại G1, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Quảng Ninh, vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 03 giờ ngày 30/11/2017, tại thôn 5, xã Q2, huyện H, Quảng Ninh, Hoàng Việt T đã có hành vi lén lút chiếm đoạt 02 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 Plus của anh Lê Đức T1 và điện thoại Samsung J7 Prime anh Nguyễn Văn V, với tổng giá trị là 12.301.000 đồng.

Tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình về cơ bản giống với nội dung cáo trạng mà Viện kiểm sát nhân dân huyện H đã truy tố đối với bị cáo.

Bị cáo khai: Bị cáo và người bị hại là anh V, anh T1 làm cùng trong công ty chuyên làm trần thạch cao, bị cáo và anh V, anh T1 cùng ở một phòng trọ ở thôn 5, xã Q2, H, đây là trụ sở công ty, tầng 1 là văn phòng, tầng 2 để công nhân ở. Do trước đó đã cầm cố điện thoại không có tiền chuộc lại nên bị cáo nảy sinh ý định trộm cắp điện thoại của anh V, anh T1 đem bán lấy tiền để chuộc lại điện thoại. Khoảng 22 giờ ngày 29/11/2017 bị cáo nói với V, T1 là mình về Đ chơi nhưng thực tế bị cáo xuống tầng một ngồi đợi đến khi V, T1 đi ngủ. Đến khoảng 03 giờ sáng ngày 30/11/2017 bị cáo lên phòng thì thấy V, T1 đã ngủ say, bị cáo bèn vào phòng tiến thẳng đến chỗ chiếc loa để ở giữa hai giường ngủ và lấy đi 02 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 Plus và Samsung J7 Prime của V, T1 để trên mặt loa, sau đó bị cáo chạy bộ ra khu vực ngã ba góc đa bắt xe về huyện Đ. Đến 09 giờ sáng ngày 30/11/2017 bị cáo đi xe ôm ra cửa hàng sửa chữa mua bán điện thoại của anh Đinh Văn H2 ở chợ Đ để bán 02 điện thoại vừa chiếm đoạt được, bị cáo bán được hai điện thoại với giá 4.000.000 đồng. Sau đó bị cáo quay về nhà trọ ở thôn 5, xã Q2, H để tiếp tục đi làm.

Nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật bị cáo đã đầu thú tại cơ quan điều tra và nộp lại toàn bộ số tiền 4.000.000đ.

Bị cáo khẳng định chỉ một mình bị cáo thực hiện hành vi phạm tội, không có đồng phạm. Khi bán điện thoại cho anh H2 bị cáo không nói rõ nguồn gốc tài sản là do phạm tội mà có.

Tại phiên tòa bị cáo cảm thấy rất ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình và đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

Người bị hại Nguyễn Văn V vắng mặt tại phiên tòa nhưng có lời khai thể hiện: Tối ngày 29/11/2017 bị cáo T nói với anh và anh T1 là bị cáo về nhà ở Đ chơi và bị cáo đi xuống dưới nhà (tầng 1). Nghĩ là T đã đi về nên anh và anh T1 ở lại phòng trọ đến 12 giờ đêm hai người đi ngủ. Ngày hôm sau, khi ngủ dậy, anh V và anh T1 cũng phát hiện bị mất điện thoại. Anh V bị mất điện thoại Samsung J7 Prime và anh T1 mất điện thoại Iphone 6 Plus. Ngay sau đó anh và anh T1 lên công an trình báo sự việc.

Trong quá trình điều tra anh đã được công an thu hồi và trả lại tài sản bị bị cáo T chiếm đoạt.

Về phần hình phạt anh V đề nghị xử lý theo pháp luật, về phần dân sự anh đã nhận lại tài sản của mình nên không có yêu cầu gì.

Người bị hại Lê Đức T1 có lời khai thể hiện: Tối ngày 29/11/2017, sau khi T nói đi về Đ và đi xuống dưới nhà thì anh T1 và anh V ở lại và đi ngủ bình thường. Sáng hôm sau anh V gọi anh dậy bảo mất điện thoại nên anh dậy kiểm tra thì thấy bị mất điện thoại Iphone 6 Plus, V cũng bị mất điện thoại Samsung J7 Prime. Sau đó anh và anh V lên công an trình báo sự việc.

Trong quá trình điều tra anh đã được công an thu hồi và trả lại tài sản bị bị cáo T chiếm đoạt.

Về phần hình phạt anh T1 đề nghị xử lý theo pháp luật, về phần dân sự anh đã nhận lại tài sản của mình nên không có yêu cầu gì.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là anh Đinh Văn H2 vắng mặt tại phiên tòa nhưng tại cơ quan điều tra có lời khai thể hiện: Khoảng 10 giờ ngày 30/11/2017, anh đang ở quầy sửa điện thoại của mình ở chợ T tâm Đ thì bị cáo Hoàng Việt T đến tìm anh, bị cáo hỏi anh có mua điện thoại không, anh nói có thì bị cáo đưa ra điện thoại Iphone 6 Plus và Samsung J7 Prime, anh trả 03 triệu đồng để mua máy Iphone 6 Plus, còn máy Samsung J7 Prime bị cáo bảo để ở đây sửa và lấy thêm của anh 01 triệu đồng, bị cáo nói khi nào quay lại sẽ thanh toán một thể. Sau đó công an đến làm việc, anh đã tự nguyện nộp lại hai chiếc điện thoại cho công an. Đối với tiền công sửa điện thoại người nhà bị cáo đã thanh toán đủ cho anh.

Anh H2 đề nghị được trả lại số tiền 4.000.000 đồng là tiền anh đưa cho bị cáo để mua điện thoại.

Tại bản kết luận định giá tài sản ngày 01/12/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng huyện H, kết luận: trị giá chiếc điện thoại Iphone 6 Plus của anh Lê Đức T1 là 7.360.000 đồng, trị giá chiếc điện thoại Samsung J7 Prime của anh Nguyễn Văn V là 4.941.000 đồng. Tổng trị giá hai chiếc điện thoại là 12.301.000 đồng.

Tại cáo trạng số 03/KSĐT-HS ngày 28/12/2017, Viện kiểm sát nhân dân huyện H truy tố bị cáo Hoàng Việt T về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo Hoàng Việt T về tội “Trộm cắp tài sản” và căn cứ khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự 1999; điểm s, khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự 2015 đề nghị xử phạt bị cáo Hoàng Việt T từ 12 đến 15 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt 30/11/2017; căn cứ điểm b, khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự 2015 trả cho anh Đinh Văn H2 số tiền là 4.000.000đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, căn cứ vào lời khai của bị cáo tại phiên tòa, đã xác định được như sau:

Khoảng 03 giờ ngày 30/11/2017, tại thôn 5, xã Q2, huyện H, Quảng Ninh, Hoàng Việt T đã có hành vi lén lút chiếm đoạt 02 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 Plus và Samsung J7 Prime của anh Lê Đức T1 và anh Nguyễn Văn V, với tổng giá trị là 12.301.000 đồng.

[2] Hành vi của Hoàng Việt T đã phạm tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự.

Khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự quy định:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác có giá trị từ hai triệu đồng đến dưới năm mươi triệu đồng hoặc dưới hai triệu đồng nhưng gây hậu quả nghiêm trọng hoặc đã bị xử phạt hành chính về hành vi chiếm đoạt hoặc đã bị kết án về tội chiếm đoạt tài sản, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến ba năm.”

[3] Xét luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H tại phiên tòa hôm nay đề nghị kết tội bị cáo theo toàn bộ nội dung cáo trạng đã truy tố và đề nghị áp dụng điều luật cũng như mức hình phạt đối với bị cáo. Hội đồng xét xử đánh giá cáo trạng mà Viện kiểm sát nhân dân huyện H truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Quan điểm luận tội của đại diện viện kiểm sát là có căn cứ, đúng pháp luật nên chấp nhận.

[4] Xét thấy, hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quyền sở hữu được pháp luật công nhận và bảo vệ, gây lo lắng hoang mang trong quần chúng nhân dân. Bị cáo là người thành niên có đủ khả năng nhận thức và điều khiển hành vi, bị cáo muốn có tiền ăn tiêu nhưng không bằng con đường làm ăn chân chính mà bằng con đường phạm pháp chiếm đoạt tài sản của người khác, vì vậy cần áp dụng một mức án nghiêm khắc đối với bị cáo để đảm bảo tính răn đe và phòng ngừa chung.

[5] **Về tình tiết giảm nhẹ:** Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; sau khi phạm tội đã ra đầu thú nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo điểm p, khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999 (và áp dụng theo nguyên tắc có lợi cho bị cáo tại quy định thuộc điểm s, khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015).

[6] **Về tình tiết tăng nặng:** Không có.

[7] **Về nhân thân:** Bị cáo có nhân thân xấu, ngày 27/11/2013 bị Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Quảng Ninh xử phạt 06 năm tù về tội “Cướp tài sản”, ngày 31/8/2015 chấp hành xong hình phạt tù (bị cáo thi hành xong phần dân sự vào ngày 14/01/2014). Theo nguyên tắc có lợi cho bị cáo, căn cứ điểm c khoản 2 Điều 107 Bộ luật hình sự 2015 thời hạn để bị cáo được đương nhiên xóa án tích là 02 năm kể từ khi chấp hành xong bản án. Do vậy, đối với bản án ngày 27/11/2013 của Tòa án

nhân dân huyện Đ tuyên phạt bị cáo 06 năm tù được Hội đồng xét xử đánh giá là nhân thân của bị cáo.

[8] Sau khi xem xét, đánh giá nhân thân cũng như các tình tiết giảm nhẹ của bị cáo, HĐXX thấy cần phải áp dụng một hình phạt nghiêm đối với bị cáo, cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian để bị cáo cải tạo thành người có ích cho xã hội; khi quyết định hình phạt cũng xem xét giảm nhẹ một phần để bị cáo thấy được tính khoan hồng nhân đạo của pháp luật.

[9] **Về phần dân sự:** Người bị hại Nguyễn Văn V, Lê Đức T1 không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

[11] **Về vật chứng vụ án:** Quá trình điều tra thu giữ 02 chiếc điện thoại là tài sản bị cáo trộm cắp được, cơ quan điều tra đã trả lại người bị hại nên không đề cập giải quyết. Ngoài ra còn thu giữ 4.000.000 đồng là tiền của anh Đinh Văn H2 trả cho bị cáo để mua điện thoại và sau đó bị cáo đã nộp lại cho cơ quan điều tra.

Xét thấy: số tiền 4.000.000 đồng là tiền của anh Đinh Văn H2 nên cần trả lại cho anh H2.

[12] Trong vụ án này anh Đinh Văn H2 có hành vi mua 02 chiếc điện thoại nhưng không biết đây là tài sản do phạm tội mà có nên anh H2 không phải chịu trách nhiệm hình sự.

[13] Bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn luật định.

[14] Bị cáo phải nộp án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Hoàng Việt T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng: khoản 1 Điều 138; điểm p, khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999; (bị cáo còn được áp dụng nguyên tắc có lợi theo các quy định tại điểm s, khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015).

Xử phạt: bị cáo **Hoàng Việt T** 12 (Mười hai) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt giữ 30/11/2017.

Về vật chứng: áp dụng: điểm b, khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Trả lại anh Đinh Văn H2 số tiền 4.000.000 đồng.

(Tình trạng như biên bản giao nhận vật chứng ngày 29/12/2017 giữa Chi cục Thi hành án dân sự huyện H và Cơ quan cảnh sát điều tra – Công an huyện H).

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14.

Buộc bị cáo Hoàng Việt T phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm vào ngân sách nhà nước.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt bị cáo, vắng mặt người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Báo cho bị cáo biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo luật định. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo phần bản án liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo luật định./.

Nơi gửi:

- Bị cáo; Bị hại; Người có ql, nv liên quan
- VKSND H;
- Công an huyện H;
- Chi cục THADS H;
- VKSND tỉnh Quảng Ninh;
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- Lưu hồ sơ + THA

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Năm